

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 11/TTP/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

1. Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam**
2. Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: 028 38277100 Fax:
4. Email: thinhatkhanh.huyen@tetrapak.com
5. Mã số doanh nghiệp (MST): 0302803331
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: *Giấy phức hợp dùng làm bao bì đựng thực phẩm (TBA Photocel)*

2. Thành phần chính: Polyethylen (bề mặt tiếp xúc với thực phẩm)

Vật liệu cấu tạo: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): Polyethylen

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong thùng carton đảm bảo an toàn thực phẩm theo qui định của Bộ Y Tế.
- Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên nhà máy sản xuất: TETRAPAK JURONG PTE LTD
- Địa chỉ nhà sản xuất: 19GUL LANE, SINGAPORE CITY, SINGAPORE 629414, SINGAPORE

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty kinh doanh sản phẩm *Giấy phức hợp dùng làm bao bì đựng thực phẩm (TBA Photocel)* đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm để chứa các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn theo:



QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. HCM, ngày 10 tháng 5 năm 2019
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)


Nguyễn Thị Nhật Khánh



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 11/TTP/2019

1. Mô tả sản phẩm: Giấy phức hợp dùng làm bao bì đựng thực phẩm (TBA Photocel)



2. Nhãn sản phẩm dự kiến:

Tetra Pak		Tetra Pak Material Description		Pallet Number	
NEW TEH BOTOL KOTAK TBA200S GRESIK				34	
Tetra Pak Material Number		Production Order Number		EAN	
DID-D022 -01		P531-0758666		899600632011	
Sinar Sosro, PT (Gresik)				Global Id	
				930558731	
		Country Code		Type	
		103		TBA/jl	
Pallet Contents		Content		Count	
3-0010 / 17000		97329005326493		06	
1-0010 / 17000		SSCC		Vat Code	
7-0011 / 17000		373295307586660347		101730	
4-0011 / 17000		Batch		Prod Date DD MM YY	
6-0011 / 17000		0758666034		06.05.19	
8-0011 / 16730		Customer Part Number		Best Before DD MM YY	
				04.05.20	



5310075866600341017300



(02)97329005326493(11)190506(37)06(241)



(00)373295307586660347(30)101730(10)0758666034

73331-
GTY
PHÂN
A PAK
T NAM
HỒ CHÍ

3. Nội dung nhãn phụ sản phẩm:

Giấy phức hợp dùng làm bao bì đựng thực phẩm (TBA Photocel)

Vật liệu cấu tạo: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): lớp nhựa PE

Kích thước sản phẩm: Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm phải được đưa về phòng sử dụng ít nhất 24 tiếng trước khi bóc mở lớp PE ngoài. Bóc mở lớp PE ngoài cùng, sử dụng trực tiếp. Các sản phẩm dùng dở phải được bọc kỹ.

Hướng dẫn bảo quản:

- Bao bì được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và tránh ánh sáng chiếu trực tiếp
- Bao bì không lưu trữ chung với các loại nguyên vật liệu khác
- Các cuộn bao bì phải được đặt trên pallet và các pallet phải đặt cách tường ít nhất 100 mm.
- Pallet có thể chất tối đa 3 lớp
- Các bao bì dùng dở phải được bao bọc kỹ và dán nhãn rõ ràng
- Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ 10 độ C – 40 độ C

Ngày sản xuất: xem “Pro.date” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

Hạn sử dụng: xem “Best before” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

Xuất xứ: Singapore

Nhà sản xuất: TETRAPAK JURONG PTE LTD

Địa chỉ: 19GUL LANE, SINGAPORE CITY, SINGAPORE 629414, SINGAPORE

Công bố sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM, địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028-38277100.



Số: 1010/N3.19/ĐG

Ngày: 15/05/2019

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Người yêu cầu : Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam
2. Tên mẫu theo khai báo : Giấy phức hợp TBA dùng làm bao bì đựng thực phẩm
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu: 06/05/2019
5. Căn cứ giám định : QCVN 12-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám định	Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5
6.1	Ngoại quan		-
6.2	Định danh nhựa (bề mặt tiếp xúc thực phẩm)	Polyethylen	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5
6.3	Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, $\mu\text{g/g}$ - Chì (Pb) - Cadimi (Cd)	< 5 < 5	100
6.4	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, $\mu\text{g/mL}$ - Trong nước cất, 60°C, 30 phút - Trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút - Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	< 5 < 5 < 5	30
6.5	Hàm lượng kim loại nặng (quì ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, $\mu\text{g/mL}$	< 1	1
6.6	Hàm lượng KMnO_4 tiêu thụ trong nước cất chiết được từ mẫu, 60°C, 30 phút, $\mu\text{g/mL}$	< 1	10

7. **Kết luận:** Mẫu nêu trên có kết quả các chỉ tiêu thử nghiệm phù hợp với mức quy định nêu tại mục 5 đối với *Giấy phức hợp (bề mặt tiếp xúc thực phẩm là màng nhựa tổng hợp)* tiếp xúc với các loại **thực phẩm, thức uống không chứa cồn.**

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Ngọc Anh Toàn

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Văn Sùng

KT3-02251AHD9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

14/05/2019
Trang 01/02

1. Tên mẫu : GIẤY PHỨC HỢP TBA DÙNG LÀM BAO BÌ ĐỰNG THỰC PHẨM
2. Số lượng mẫu : 01
3. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
1010/N3.19/ĐG/PH
05 bao bì giấy phức hợp có in
4. Ngày nhận mẫu : 07/05/2019
5. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM
235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q.1, Tp Hồ Chí Minh
6. Thời gian thử nghiệm : 08/05/2019 – 14/05/2019
7. Kết quả thử nghiệm : xem trang 02/02

P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG**Nguyễn Thị Thùy Nhi****TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM****Phan Thành Trung**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1 Định danh nhựa (mặt không in) bằng phương pháp phổ hồng ngoại	-	ASTM E 1252 – 98	-	Polyethylene
THỬ VẬT LIỆU				
7.1 Hàm lượng chì	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
7.2 Hàm lượng cadimi	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM				
7.3 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1
7.4 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH
7.5 Hàm lượng cặn khô		QCVN 12-1 : 2011/BYT		
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C	µg/mL		5,0	KPH
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH

Ghi chú: KPH: không phát hiện

44